

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 03/01/2025

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phùng Văn Long

2/ Ông Nguyễn Văn Y

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 637/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: ấp 3, xã TH, huyện CT, tỉnh TG.

- Bị đơn: Trần Duy T, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: ấp 3, xã TH, huyện CT, tỉnh TG.

(Chị T có đơn xin vắng mặt; anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Trần Duy T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung hạnh phúc đến tháng 9/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, anh Tân nghiện chơi game không lo làm ăn, lấy tiền vợ tiêu xài. Vợ chồng đã sống ly thân cách nay khoảng hơn 01 năm. Nay nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Duy T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Duy P, sinh ngày 02/9/2016 và Trần Duy Q, sinh ngày 02/9/2016. Hiện hai con đang sống cùng chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không yêu cầu.

** Bị đơn anh Trần Duy T dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định; bị đơn không thực hiện đúng theo quy định. Về nội dung giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Duy P, sinh ngày 02/9/2016 và Trần Duy Q, sinh ngày 02/9/2016 cho chị T nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T chưa có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] – Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Duy T dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] – Về nội dung yêu cầu: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với anh Trần Duy T. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Chị T và anh T xác lập hôn nhân vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa chị T và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, anh T nghiện chơi game không lo làm ăn. Chị T và anh T đã sống ly thân hơn một năm nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn. Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với bị đơn anh Trần Duy T dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời tại phiên tòa anh T vắng mặt, chứng tỏ anh T không có ý định hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung tên Trần Duy P, sinh ngày 02/9/2016 và Trần Duy Q, sinh ngày 02/9/2016. Xét thấy, hai cháu Duy P và Duy Q hiện đang sống cùng chị T, được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng

chu đáo, nguyện vọng của hai con là muốn được sống cùng chị T. Do đó, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho các cháu, tránh làm xáo trộn môi trường sống và học tập của các cháu, Hội đồng xét xử cần giao cháu Duy P và Duy Q cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

- Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Duy T.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần Duy P, sinh ngày 02/9/2016 và Trần Duy Q, sinh ngày 02/9/2016 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Trần Duy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân

gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0011988 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh